TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Kim Thành.

Bà Nguyễn Thị Thiểu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vương Thị Ngọc T, sinh năm: 1973 "Vắng mặt".

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1966 "Vắng mặt".

Cùng địa chỉ: ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Vương Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G vào ngày 19-8-2005. Ngày cưới gia đình chồng cho bà đôi bông vàng 24K 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 24k. Số nữ trang này không còn do vợ chồng đã bán để làm ăn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp C, xã C, 02 tháng sau vợ chồng được cha mẹ chồng cho phần đất cất nhà ra riêng cho đến khi ly thân.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 23-01-1998 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 09-3-2001, hiện con đang sống chung với bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do chồng bà không quan tâm đến vợ con. Ông D làm ra bao nhiêu tiền thì tiêu xài cho cá nhân hết. Cháu L bị bệnh tim nên việc điều trị rất tốn kém, cả phần đất bà và con đang sống cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Ông D không những không phụ bà nuôi và trị bệnh cho con mà còn bỏ nhà đi. Vợ chồng ly thân từ tháng 02-2019 đến nay. Từ khi ly thân ông D chỉ về nhà khi có đám tiệc, cũng không phụ tiền để bà nuôi con, vợ chồng không bàn việc đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Cháu N đã thành niên tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L và không yêu cầu chồng bà có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Dnhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D; đồng thời, ghi nhận ý kiến của bà T về con chung tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông D chung sống với nhau vào năm 1996, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G vào năm 2005 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà Tcó yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Bà T trình bày vợ chồng mâu thuẫn do con bị bệnh tim phải điều trị rất tốn kém nhưng ông D không phụ bà lo cho con kể cả vật chất và tinh thần. Ông D còn bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ tháng 02-

2019 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cũng như không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ đó thấy rằng, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Dlà phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 09-3-2001, bà không yêu cầu ông D có nghĩa cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà T là phù hợp với với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Riêng cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 23-01-1998 đã thành niên tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Trường hợp ông D có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Như nhận định trên, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vương Thị Ngọc Tđối với ông Nguyễn Văn D. Bà T được ly hôn với ông D.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 09-3-2001 cho bà Vương Thị Ngọc T được quyền tiếp tục trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Thành, sinh ngày 23-01-1998 đã thành niên tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008726 ngày 12-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh